|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  Số: /QĐ-TTg | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày   tháng   năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Dự thảo**

**Phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chiến lược) với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM**

1. Chiến lược được xây dựng dựa trên nguyên tắc thống nhất, đơn giản, hài hòa, tối ưu hóa, tự nguyện và chia sẻ; đưa hoạt động tiêu chuẩn hóa trở thành động lực quan trọng, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo của quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế và chính sách pháp luật về tiêu chuẩn*,* tăng cường sự tham gia của các bên có liên quan vào hoạt động tiêu chuẩn hóa, tạo hành lang pháp lý để bảo đảm hoạt động tiêu chuẩn hóa của Việt Nam phù hợp với các yêu cầu trong nước, đồng thời đáp ứng với các yêu cầu của các tổ chức, diễn đàn tiêu chuẩn hóa khu vực và quốc tế, các Hiệp định thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên.

3. Chính phủ và thị trường là hai chủ thể chính thúc đẩy chiến lược tiêu chuẩn hóa; việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn sẽ được chuyển đổi từ tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp và thương mại sang toàn bộ các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và xã hội; công tác tiêu chuẩn hóa được thực hiện từ trong nước ra nước ngoài, chuyển biến từ số lượng sang chất lượng, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện của quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đổi mới sáng tạo, hình thành và dẫn dắt các mô hình phát triển mới.

4. Định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, chiến lược của một số ngành, lĩnh vực trọng tâm của đất nước, giải quyết các yêu cầu về tiêu chuẩn hóa đối với các sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; thúc đẩy việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương; tập trung các hoạt động nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ; lấy đổi mới sáng tạo để nâng cao hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn.

5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và khu vực về tiêu chuẩn hóa đối với từng lĩnh vực cụ thể, quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia vào công tác tiêu chuẩn hóa quốc tế, tăng cường năng lực áp dụng và khai thác tiêu chuẩn của các tổ chức trong nước; chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ các thông tin tiêu chuẩn trong nước và quốc tế; nâng cao vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực.

**II. MỤC TIÊU**

1. **Mục tiêu tổng quát**
2. Tiêu chuẩn hóa trở thành một biện pháp kỹ thuật, là công cụ đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội, thông qua việc tăng cường năng lực quản lý của các bộ ngành, địa phương; hỗ trợ các sản phẩm của Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế gắn với các mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở thực hành có trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế khác nhau (bao gồm các tiêu chuẩn thực hành về trách nhiệm xã hội tích hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội trong các tiêu chuẩn đặc thù).
3. Tập trung nguồn lực để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển tiêu chuẩn quốc gia gắn với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
4. Phát triển và chuẩn hóa nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa nhằm nâng cao năng lực xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn đối với các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.
5. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên các tổ chức, diễn đàn tiêu chuẩn hóa khu vực và quốc tế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và uy tín cũng như sức cạnh tranh của các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của Việt Nam trên thị trường quốc tế.
6. **Mục tiêu cụ thể**

***Đến năm 2025***

1. Xây dựng sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn để tăng cường tính minh bạch trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, loại bỏ rào cản kỹ thuật thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại toàn cầu.
2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thành tiêu chuẩn quốc gia.
3. Xây dựng và ban hành Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các Bộ ngành, địa phương.
4. Hoàn thiện Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với phát triển kinh tế xã hội theo từng thời kỳ; tối thiểu 3-5 Bộ ngành hoàn thành việc lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo Khung kế hoạch này.

đ) Tối thiểu 5% các tiêu chuẩn quốc gia mới được xây dựng dựa trên kết quả triển khai của các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp.

1. Tối thiểu 60% tiêu chuẩn quốc gia mới được phổ biến áp dụng sau khi được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.
2. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cho tối thiểu 60% thành viên Ban kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ, chuyên gia làm công tác tiêu chuẩn tại các bộ, ngành và doanh nghiệp;
3. Hoàn thiện các chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về tiêu chuẩn hóa cho tối thiểu 20 trường đại học, trường cao đẳng, trường nghề.
4. Cử 1-2 cán bộ, chuyên gia tham gia vào các ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO, Ban thư ký/đồng thư ký/đồng trưởng nhóm công tác; chủ trì/ đồng chủ trì 1-2 dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.
5. Phấn đấu đưa Việt Nam tham gia Hội đồng của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO; trở thành thành viên đầy đủ của Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC).
6. Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu về Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia, chuyên gia tham gia Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc tế và cơ sở dữ liệu thông tin về hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ nhu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

***Đến năm 2030***

1. Tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước ngoài đạt tối thiểu 70 % - 75%.
2. Hoàn thành cơ bản hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm theo yêu cầu quản lý của các Bộ ngành, địa phương.
3. Tất cả các bộ, ngành hoàn thiện việc lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo Khung kế hoạch.
4. Tối thiểu 10 % các tiêu chuẩn quốc gia mới được xây dựng dựa trên kết quả triển khai của các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp.

đ) Tối thiểu 80% tiêu chuẩn quốc gia mới được phổ biến áp dụng sau khi được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

1. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cho 100% thành viên Ban kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.
2. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo về tiêu chuẩn hóa cho tối thiểu 35 trường đại học, trường cao đẳng, trường nghề.
3. Cử 4-6 cán bộ, chuyên gia tham gia vào các ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO, Ban thư ký/đồng thư ký/đồng trưởng nhóm công tác; chủ trì/ đồng chủ trì 2-3 dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.
4. Việt Nam tham gia Hội đồng của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế; Phấn đấu Việt Nam trở thành thành viên Ban quản lý kỹ thuật (TMB) của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO; tham gia vào 5-7 Ban kỹ thuật IEC.

k) Hình thành hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo hệ thống thông tin về cơ sở dữ liệu Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia và cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc gia được kết nối với bộ, ngành, địa phương.

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. **Tập trung hoàn thiện hệ thống, chính sách pháp luật về hoạt động tiêu chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội**

a) Rà soát và hoàn thiện quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động tiêu chuẩn hóa.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thành tiêu chuẩn quốc gia;

c) Xây dựng cơ chế khuyến khích việc sử dụng các tiêu chuẩn trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của các Bộ ngành địa phương; phát huy nguồn lực trong nước và nước ngoài, đẩy mạnh hợp tác công tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa.

1. Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách đảm bảo hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; tạo điều kiện cho các thành viên Ban kỹ thuật, các tổ chức, cá nhân đại diện cho Việt Nam tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn của các tổ chức, diễn đàn tiêu chuẩn hóa khu vực và quốc tế.

đ) Rà soát, bổ sung các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn nhằm thúc đẩy hoạt động đào tạo tiêu chuẩn tại các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp.

1. Ban hành các tiêu chí về năng lực của đội ngũ chuyên gia xây dựng tiêu chuẩn tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

g) Phát triển các nền tảng và công cụ xây dựng, soát xét và sửa đổi tiêu chuẩn; tạo cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp, người tiêu dùng và các bên liên quan khác tham gia vào hoạt động xây dựng, soát xét và sửa đổi tiêu chuẩn, cải thiện chất lượng tiêu chuẩn.

h) Thiết lập và hoàn thiện cơ chế để thúc đẩy xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia từ yêu cầu của thị trường; tăng cường cơ chế phối hợp với sự tham gia của Chính phủ, doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu trong xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

i) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, phổ biến, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của Việt Nam; sử dụng kinh phí từ nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp vào mục đích nghiên cứu về tiêu chuẩn hóa.

k) Xây dựng cơ chế khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp quan trọng trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh.

**2. Thúc đẩy nghiên cứu và xây dựng tiêu chuẩn quốc gia gắn với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia làm nền tảng cho ứng dụng và phát triển công nghệ cốt lõi của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ sản xuất và đời sống. Tăng cường nghiên cứu các tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ trọng điểm: đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, thông tin lượng tử, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin thế hệ mới, Dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), y tế, năng lượng mới, vật liệu mới, phương tiện giao thông minh, phương tiện giao thông thân thiện môi trường, đường sắt cao tốc, xe ô tô sử dụng năng lượng mới.

b) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển đối với các tiêu chuẩn trong các ngành sản xuất: các tiêu chuẩn đối với linh kiện, vật liệu, công nghệ tiên tiến; tiêu chuẩn đối với cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất; tiêu chuẩn sản xuất thông minh, sản xuất xanh, sản xuất theo định hướng dịch vụ; tiêu chuẩn của các ngành sản xuất mới nổi, ngành sản xuất tương lai, phát triển các mô hình kinh doanh mới; tiêu chuẩn về thiết bị hạ tầng mạng, công nghệ mới, internet công nghiệp; tiêu chuẩn về chuyển đổi số trong các lĩnh vực thực phẩm, chăm sóc y tế, giáo dục, ứng phó khẩn cấp, chống biến đổi khí hậu, giao thông vận tải, logistics, thủy lợi, năng lượng, tài chính, thương mại điện tử; tiêu chuẩn giúp nâng cao tính ổn định của chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và khả năng cạnh tranh toàn diện của ngành sản xuất.

c) Nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn cho phát triển xanh và bền vững: Tiêu chuẩn kinh tế tuần hoàn; tiêu chuẩn sản phẩm xanh; tiêu chuẩn sống xanh; tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, phân loại rác, chống lãng phí thực phẩm, du lịch xanh, sử dụng hiệu quả năng lượng của sản phẩm; tiêu chuẩn tính toán phát thải carbon; tiêu chuẩn phát thải khí nhà kính cho các ngành sản xuất; tiêu chuẩn về năng lượng tái tạo; tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm, tiêu chuẩn xả thải; tiêu chuẩn tái chế; tiêu chuẩn về biến đổi khí hậu; tiêu chuẩn quản lý sử dụng hệ sinh thái; tiêu chuẩn quy hoạch lãnh thổ và không gian; tiêu chuẩn bảo vệ tài nguyên biển, phát triển kinh tế biển, phục vụ quy hoạch tổng thể đất liền và biển; tiêu chuẩn đánh giá giám sát nguồn tài nguyên thiên nhiên; tiêu chuẩn bảo tồn phát triển, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tiêu chuẩn phát triển và bảo vệ tài nguyên biển, phát triển kinh tế biển; tiêu chuẩn phát triển nông nghiệp xanh, sản xuất sạch, tài chính xanh, du lịch sinh thái; tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, quản lý công trình xanh, dịch vụ xanh.

d) Từng bước nghiên cứu và xây dựng tiêu chuẩn trong xây dựng xã hội, xây dựng đô thị và nông thôn: tiêu chuẩn đánh giá và xây dựng nông thôn; tiêu chuẩn về môi trường nông thôn, du lịch, làng nghề nông thôn; tiêu chuẩn trong quá trình quản lý xã hội và quản lý hành chính, thủ tục hành chính; tiêu chuẩn trong lĩnh vực an ninh công cộng: trật tự trị an, an sinh xã hội…; tiêu chuẩn xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị bền vững, đô thị thông minh, thành phố thông minh; tiêu chuẩn trong dịch vụ công cơ bản: giáo dục, y tế, dưỡng lão, bảo hiểm xã hội, việc làm, văn hóa công cộng...; tiêu chuẩn về sức khỏe như: phổ cập đời sống lành mạnh, làm tốt dịch vụ sức khỏe, ăn uống khỏe mạnh, xây dựng môi trường lành mạnh.

**3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội**

a) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở thống nhất các kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của bộ, ngành, đáp ứng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, chiến lược của một số ngành, lĩnh vực trọng tâm của đất nước, giải quyết các yêu cầu về tiêu chuẩn hóa đối với các sản phẩm của doanh nghiệp theo nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài.

Các bộ, ngành tổ chức lập kế hoạch và triển khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao dựa trên Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện trong giai đoạn 5 năm, bảo đảm bao trùm được các đối tượng, lĩnh vực, sản phẩm hàng hóa, quá trình và dịch vụ của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có tính phổ biến, đáp ứng được nhu cầu quản lý nhà nước, bảo vệ sức khỏe, an toàn, vệ sinh môi trường, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, trao đổi thương mại, thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao năng suất chất lượng và uy tín cũng như sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

b) Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành rà soát toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, xác định các định hướng ưu tiên lựa chọn các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài để lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của bộ, ngành phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được ban hành.

c) Trên cơ sở kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, định kỳ hàng năm, các bộ, ngành phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia trong kế hoạch của bộ, ngành theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn. Ưu tiên sử dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp (trong và ngoài ngân sách) để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

d) Các bộ, ngành chủ trì phối hợp với các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước triển khai hỗ trợ các hoạt động phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia trong kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia sau khi được công bố; xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện kế hoạch này; huy động các nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài để tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

e) Các bộ, ngành định kỳ, rà soát, cập nhật, bổ sung các tiêu chuẩn quốc gia mới trong kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia của ngành, địa phương để phù hợp với yêu cầu quản lý và hội nhập quốc tế.

**4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đối với sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm**

a) Các bộ, ngành thực hiện rà soát tổng thể hiện trạng việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động này tại các bộ, ngành, địa phương.

b) Các bộ, ngành rà soát, xác định các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, ưu tiên xây dựng và phát triển hệ thống tiêu chuẩn đối với các sản phẩm quốc gia trong Danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương**;**chú trọng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài đặc biệt là các nước là đối tác thương mại nhằm đẩy mạnh xuất khẩu;

Trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành về các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp thẩm định và ban hành Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của bộ, ngành, địa phương.

Trên cơ sở Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của bộ, ngành, địa phương, định kỳ hàng năm, các bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia trong kế hoạch của bộ, ngành, địa phương theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn. Ưu tiên sử dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp (trong và ngoài ngân sách) để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương.

c) Các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến áp dụng tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương; xây dựng kế hoạch cụ thể về phổ biến áp dụng tiêu chuẩn; bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện; ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy hoạt động này; đồng thời định kỳ giám sát, đánh giá việc triển khai áp dụng của các tiêu chuẩn quốc gia này.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức rà soát, lựa chọn một số tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương để đề xuất với tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế về dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm này.

**5. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa**

a) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò của tiêu chuẩn đối với đời sống, xã hội, tăng cường sự quan tâm và tham gia của toàn xã hội về hoạt động tiêu chuẩn hóa.

Tổ chức các cuộc thi về tiêu chuẩn hóa tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia các cuộc thi về tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực.

Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội tiêu chuẩn hóa với tư cách là cầu nối và liên kết, thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tiêu chuẩn hóa; xây dựng và phát triển nền văn hóa tiêu chuẩn hóa trong tổ chức và doanh nghiệp.

b) Chuẩn hóa hệ thống các chuyên gia về tiêu chuẩn tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp:

Phát triển nguồn nhân lực tiêu chuẩn hóa của các bộ, ngành, địa phương để nâng cao năng lực triển khai kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia của các bộ, ngành, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn. Các bộ, ngành xây dựng các chương trình đào tạo về tiêu chuẩn hóa cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng tiêu chuẩn trong kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia của các bộ, ngành.

Rà soát, xây dựng, cập nhật và chuẩn hóa các giáo trình về tiêu chuẩn hóa; tập trung triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa trong các viện, trường đại học, cao đẳng, trường nghề; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về tiêu chuẩn hoá đối với các chuyên gia kỹ thuật trẻ.

Đưa tiêu chuẩn hóa vào giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, thực hiện các dự án thí điểm tích hợp giáo dục chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hóa;~~,~~ thực hiện đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn và giáo dục toàn diện nhằm thúc đẩy phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

c) Hình thành mạng lưới chuyên gia về tiêu chuẩn được đào tạo nghiệp vụtheo chuẩn mực quốc tế:

Xây dựng kế hoạch, tuyển chọn, cử chuyên gia tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn hóa nước ngoài phục vụ việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; lựa chọn, cử một số thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tham gia Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế.

d) Hình thành cơ chế đánh giá năng lực chuyên môn và khuyến khích nhân tài trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa; tạo ra một đội ngũ nhân tài chuyên nghiệp thông thạo các quy tắc quốc tế và các nghiệp vụ chuyên sâu về tiêu chuẩn.

e) Nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm tại các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp, phục vụ công tác xây dựng và phát triển tiêu chuẩn.

Khuyến khích các tổ chức dịch vụ tiêu chuẩn hóa đáp ứng nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tích hợp các nguồn lực, cung cấp các giải pháp tổng thể, các công cụ và mô hình dịch vụ được tiêu chuẩn hóa mới, đồng thời nâng cao mức độ chuyên môn hóa dịch vụ về tiêu chuẩn.

**6. Thúc đẩy hạ tầng số trong hoạt động tiêu chuẩn hóa**

Xây dựng thư viện chuẩn số quốc gia và nền tảng dịch vụ công chuẩn hóa; phát triển các tiêu chuẩn có thể đọc được bằng máy và các tiêu chuẩn nguồn mở, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi tiêu chuẩn hóa sang kỹ thuật số, nối mạng và thông minh.

Hình thành cơ sở dữ liệu về Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia; cơ sở dữ liệu thông tin về hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài phục vụ nhu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Hình thành nền tảng số về tiêu chuẩn nhằm kết nối và chia sẻ giữa Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp; khuyến khích các địa phương xây dựng các cổng thông tin để hướng dẫn, phổ biến, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia.

Khuyến khích chia sẻ, kết nối với nền tảng số của Việt Nam với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, nước ngoài, cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia theo quy định của pháp luật.

7. **Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa**

Nâng cao năng lực kỹ thuật của cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia thông qua các chương trình, dự án quốc tế, khu vực về tiêu chuẩn; tạo điều kiện triển khai các dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế; hình thành các dự án nghiên cứu chung giữa các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực với cơ quan tiêu chuẩn hóa của Việt Nam để nâng cao năng lực nghiên cứu, áp dụng tiêu chuẩn.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các lĩnh vực trọng điểm; tích cực áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế; thúc đẩy mạnh mẽ việc thừa nhận lẫn nhau các tiêu chuẩn của Việt Nam và nước ngoài, nâng cao tính hài hòa của tiêu chuẩn của Việt Nam với tiêu chuẩn quốc tế.

Xây dựng các phiên bản đa ngôn ngữ của các tiêu chuẩn quốc gia đối với các mặt hàng thương mại quy mô lớn, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài.

Thúc đẩy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia xây dựng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở nghiên cứu khoa học… tham gia tích cực vào các tổ chức tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc tế.

Phối hợp thúc đẩy trao đổi và hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa gắn với tiêu chuẩn hóa công nghệ, công nghiệp và tài chính; xây dựng, tham gia triển khai các chương trình, dự án về tiêu chuẩn hóa của các tổ chức, diễn đàn tiêu chuẩn hóa khu vực và quốc tế; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong triển khai các thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương về tiêu chuẩn hóa.

Thực hiện dự án quốc tế hóa tiêu chuẩn nhằm thúc đẩy sự hài hòa của tiêu chuẩn Việt Nam với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp để giải quyết vấn đề thực tiễn của Việt Nam trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; đẩy mạnh các biện pháp thực thi pháp luật liên quan đến minh bạch hoá, hàng rào kỹ thuật trong thương mại với các đối tác nước ngoài trong khuôn khổ các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia.

Gắn kết hoạt động của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia với các hoạt động hợp tác quốc tế trong các ngành, lĩnh vực có liên quan của các bộ, ngành nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn khu vực và quốc tế.

**IV. Kinh phí thực hiện Chiến lược**

Căn cứ vào các quy định hiện hành, các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng các nhiệm vụ để triển khai, tổ chức thực hiện Chiến lược này. Kinh phí thực hiện Chiến lược gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

Các nhiệm vụ của Chiến lược được thực hiện dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp. Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí trong các chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược này. Nội dung, định mức chi để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược được áp dụng theo quy định hiện hành về khoa học công nghệ và các quy định khác có liên quan.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách để triển khai Chiến lược.b) Chủ trì xây dựng và ban hành Khung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở dự kiến kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia chuyên ngành của các bộ,ngành; ban hành Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

c) Chủ trì xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, công nhận năng lực của đội ngũ chuyên gia xây dựng tiêu chuẩn tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

d) Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và 05 năm, tổng hợp, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đề xuất, kiến nghị, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Bộ Tài chính

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

3. Các bộ, ngành

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai Chiến lược; chủ động xem xét ban hành văn bản theo thẩm quyền để triển khai Chiến lược.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia chuyên ngành của Bộ ngành; xây dựng Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của các bộ, ngành; định kỳ giám sát, đánh giá việc triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai Chiến lược; chủ động xem xét ban hành văn bản theo thẩm quyền để triển khai Chiến lược, trường hợp cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng Danh mục tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm trọng điểm của các địa phương; tổ chức xây dựng và triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm trọng điểm của các địa phương; định kỳ giám sát, đánh giá việc triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia này.

5. Các Hội, Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức và thực hiện tốt nội dung quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Văn phòng trung ương Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NN, CN, KSTT, TCCV, TKBT; - Lưu: VT, BKHCN. | **THỦ TƯỚNG** |